

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HC-ST

Ngày: 07-09-2017

V/v khiếu kiện quyết định
giải quyết khiếu nại lần hai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ánh.

2. Ông Lâm Duy Nhẫn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 09 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/ TLHC- ST ngày 10 tháng 07 năm 2017 về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại lần hai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2017/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 08 năm 2017 giữa:

1. Người khởi kiện: Ông H.

Trú tại: Tổ dân phố 7, Thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. *(Có mặt)*

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: Thôn 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum

Ông T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum là người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện (Văn bản uỷ quyền số 1103/GUQ-UBND ngày 25 tháng 07 năm 2017). *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện ngày 02/06/2017, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 23/06/2017 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện Ông H trình bày:

Sau khi có Quyết định số 01/QĐPT-DS, ngày 10/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã có hiệu lực pháp luật, tôi đã gửi 03 bộ hồ sơ và đơn đề nghị

hủy bỏ và cấp mới quyền sử dụng đất ghi ngày 30/11/2016 tới bộ phận một cửa của UBND huyện N, Phòng tài nguyên và môi trường của huyện N nhưng đều bị từ chối tiếp nhận. Sau đó tôi làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch huyện lần đầu không được Chủ tịch huyện giải quyết mà giao cho Phòng tài nguyên và môi trường trả lời bằng văn bản để không tiếp nhận đơn của tôi. Sau đó, tôi tiếp tục khiếu nại hành vi không tiếp nhận đơn của ông Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện, một lần nữa không được Chủ tịch huyện giải quyết. Ông Chủ tịch huyện giao cho Chánh văn phòng chuyển đơn khiếu nại của tôi qua Thi hành án dân sự huyện N trái pháp luật. Hiện nay, tôi đã khởi kiện hành vi hành chính của ông Chủ tịch huyện N lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Đến ngày 03/05/2017, tôi nhận được Quyết định số: 53/QĐ-CTUBND của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của tôi. Nội dung thứ 3 trong Quyết định số: 53/QĐ-CTUBND của Chủ tịch UBND huyện N kết luận: *“Việc tôi yêu cầu Chủ tịch UBND huyện N tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi là không có cơ sở”*. Do đó, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Chủ tịch UBND huyện N phải công nhận việc tôi yêu cầu thi hành bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật là đúng vì thuộc thẩm quyền của chủ tịch UBND huyện tại thời điểm tôi khiếu nại, nhưng tại thời điểm này thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường của tỉnh Kon Tum.

Hủy bỏ nội dung thứ 3 nêu trên trong Quyết định số: 53/QĐ-CTUBND ngày 03/05/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần hai của tôi.

Buộc Chủ tịch UBND huyện xử lý nghiêm cán bộ tham mưu sai cho Chủ tịch UBND huyện N.

- *Tại văn bản số 76/UBND-NC ngày 27/07/2017 ý kiến đối với nội dung khởi kiện của Ông H, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện N: Ông T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N trình bày:*

Việc khởi kiện của Ông H đối với nội dung thứ ba trong Quyết định số 53/QĐ-CTUBND ngày 03/05/2017 của Chủ tịch UBND huyện N là không có cơ sở vì những lý do sau:

+ *Tại khoản 3, Điều 105 Luật đất đai năm 2013 quy định thẩm quyền cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi “Đối với những trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng mà thực hiện các quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng thì do cơ quan tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của Chính phủ”.*

+ *Tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định. Cơ quan cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài*

sản khác gắn liền với đất khi người sử dụng đất thực hiện các quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận.

“1. Đối với địa phương đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Nghị định này thì Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, trong các trường hợp sau:

a) Khi người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản thực hiện các quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

b) Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng”.

+ Ngày 16/03/2017 Bộ phận một cửa của UBND huyện N đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động đất đai của Ông H theo quy định.

Từ những cơ sở trên UBND huyện N thấy rằng việc khởi kiện của Ông H là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo pháp luật.

Tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cân, công khai chứng cứ ngày 17 tháng 08 năm 2017. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện cung cấp thêm 01 chứng cứ: Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 quyết định thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum. Tại biên bản đối thoại ngày 17 tháng 08 năm 2017 các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa , phát biểu ý kiến cho rằng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của luật tố tụng hành chính. Đối với những người tham gia tố tụng trong đó người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 105 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ.

Quyết định số 53/QĐ-CTUBND của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của Ông H (lần hai) được ban hành đúng về hình thức, trình tự ban hành, thẩm quyền ban hành. Do đó, Không chấp nhận đơn khởi kiện của Ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 03/05/2017 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 53/QĐ-CTUBND về việc giải quyết khiếu nại của Ông H (lần hai). Ông H cho rằng quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) này là không thỏa đáng và ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và gia đình ông. Ngày 02/06/2017 Ông H đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Ông H khởi kiện yêu cầu hủy nội dung thứ 3 trong Quyết định số 53/QĐ-CTUBND ngày 03/05/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đó là: *“Việc ông Hyêu cầu Chủ tịch UBND huyện N tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là không có cơ sở (việc tiếp nhận hồ sơ do bộ phận một cửa thực hiện)”*. Đây là quyết định hành chính bị kiện thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật tố tụng hành chính năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về hình thức, trình tự ban hành, thẩm quyền ban hành:

[3.1] Thẩm quyền ban hành: Quyết định số 53/QĐ-CTUBND ngày 03/05/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai), do Chủ tịch UBND huyện N - ông C ký là đúng quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011.

[3.2] Trình tự ban hành: Ngày 04/01/2017 Ông H có đơn khiếu nại Hành vi vi phạm hành chính của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường và Cán bộ một cửa thuộc UBND huyện N, tỉnh Kon Tum. Đến ngày 27/02/2017 UBND huyện N ra Thông báo số 15/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. UBND huyện N giao cho Thanh tra huyện tiến hành thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông H, trong quá trình Thanh tra huyện tiến hành thẩm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông H thì đến ngày 15/03/2017 UBND huyện N ra Thông báo số 01/TB-MC về việc thu hồi và hủy giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả đất đai ngày 26/12/2016 và đến ngày 16/03/2017 Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ông X ra Thông báo số 01/TB-TNMT về việc thu hồi và hủy bỏ công văn số 47/CV-TNMT ngày 26/12/2016. Sau khi hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 53/QĐ-CTUBND ngày 03 tháng 05 năm 2017 là đúng theo quy định tại Điều 18, 28, 29, 31, 33 Luật khiếu nại năm 2011.

[3.3] Hình thức văn bản: Đúng theo quy định tại Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011.

Do đó, Quyết định số 53/QĐ-CTUBND của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của Ông H (lần hai) được ban hành đúng về hình thức, trình tự ban hành, thẩm quyền ban hành.

[4] Xét về nội dung quyết định hành chính thấy rằng:

[4.1] Tại Quyết định số 53/QĐ-CTUBND ngày 03/05/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của Ông H (lần hai). Đối với nội dung giải quyết khiếu nại thứ 3 của Chủ tịch UBND huyện N cho rằng: *“Việc ông Hyêu cầu Chủ tịch UBND huyện N tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là không có cơ sở (việc tiếp nhận hồ sơ do bộ phận một cửa thực hiện)”*. Tại biên bản đối thoại ngày 17/08/2017 Ông H cho rằng: Tại thời điểm ông nộp đơn yêu cầu UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông theo Quyết định dân sự phúc thẩm số 01/QĐPT-DS ngày 10/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã có hiệu lực pháp luật là thuộc thẩm quyền của UBND huyện N nhưng tại thời điểm ông Chủ tịch UBND huyện N ra Quyết định số 53/QĐ-CTUBND ngày 03/05/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần hai là không còn thuộc thẩm quyền của UBND huyện N nữa. Do đó, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc chủ tịch UBND huyện N phải công nhận việc ông H yêu cầu thi hành bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật là đúng vì thuộc thẩm quyền của chủ tịch UBND huyện tại thời điểm ông H khiếu nại, nhưng tại thời điểm này thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường của tỉnh Kon Tum.

Hủy bỏ nội dung thứ 3 nêu trên trong Quyết định số 53/QĐ-CTUBND ngày 03/05/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của tôi.

Buộc Chủ tịch UBND huyện xử lý nghiêm cán bộ tham mưu sai cho chủ tịch UBND huyện N.

[4.2] HĐXX thấy rằng: Căn cứ Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 quyết định thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum thì tại thời điểm Ông H nộp đơn đề nghị UBND huyện N cấp giấy chứng quyền sử dụng đất theo quyết định số 01/QĐPT-DS ngày 10/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã có hiệu lực pháp luật vào ngày 06/12/2016 là sau khi có Quyết định thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum.

Căn cứ khoản 3, Điều 105 Luật đất đai năm 2013 quy định thẩm quyền cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: *“Đối với những trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận ... hoặc cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận...thì do cơ quan tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của Chính phủ”*.

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định. Cơ quan cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi người sử dụng đất thực hiện các quyền của

người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận.

“1. Đối với địa phương đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Nghị định này thì Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... trong các trường hợp sau:

a) Khi người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản thực hiện các quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất mà phải cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

b) Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng”.

Việc tiếp nhận hồ sơ ban đầu để thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông H là do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện N thực hiện. Việc Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 53/QĐ-CTUBND ngày 03/05/2017 về việc giải quyết khiếu nại của Ông H (lần hai) là đúng quy định của pháp luật. Do đó, HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện Hủy bỏ nội dung thứ 3 trong Quyết định số: 53/QĐ-CTUBND ngày 03/05/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của Ông H (lần hai).

[4.3] Ngoài ra, tại biên bản đối thoại ngày 17/08/2016 Ông H có 02 ý kiến sau:

Buộc chủ tịch UBND huyện N phải công nhận việc tôi yêu cầu thi hành bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật là đúng vì thuộc thẩm quyền của chủ tịch UBND huyện tại thời điểm tôi khiếu nại, nhưng tại thời điểm này thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường của tỉnh Kon Tum.

Buộc Chủ tịch UBND huyện xử lý nghiêm cán bộ tham mưu sai cho chủ tịch UBND huyện N.

Tuy nhiên, căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 02/06/2017 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 23/06/2017 ông H không yêu cầu giải quyết 02 nội dung trên, mặt khác 02 ý kiến trên không thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Do đó, căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; Điều 30 Luật tổ tụng hành chính HĐXX không xem xét.

Về án phí: Do đơn khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 3; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các Điều 18, 28, 29, 31, 33 Luật khiếu nại năm 2011.

Căn cứ khoản 3, Điều 105 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 30, Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện ngày 02/06/2017, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 23/06/2017 của Ông H về việc yêu cầu Hủy bỏ nội dung thứ 3 trong Quyết định số: 53/QĐ-CTUBND ngày 03/05/2017 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Ông H.

Án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng Ông H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2014/0000477 ngày 07 tháng 7 năm 2017. Ông H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lang (Đã ký)